

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ Như Xuân.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc của một số đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4110/SXD-QLN ngày 01/8/2017 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ Như Xuân,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ Như Xuân, với những nội dung sau:

1. Tên công trình: Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ Như Xuân.

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý rừng phòng hộ Như Xuân.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Hải Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

5. Mục tiêu đầu tư: Ổn định cơ sở vật chất, nâng cao điều kiện làm việc, sinh hoạt cho cán bộ công nhân viên.

6. Các giải pháp thiết kế chủ yếu.

6.1. Hạng mục: Nhà làm việc 2 tầng

- *Hiện trạng công trình:* Công trình có quy mô 02 tầng, mặt bằng công trình hình chữ nhật kích thước 24,51x7,0m; chiều cao tầng 1 là 3,9m; chiều cao tầng 2 là 3,6m; cos nền cao hơn cos sân hoàn thiện là 0,6m. Mặt bằng tầng 1 và tầng 2 mỗi tầng bố trí 06 phòng làm việc và 01 khu vệ sinh. Giao thông đứng trong công trình bằng 01 cầu thang bộ vị trí trục (5-6)(B-C); giao thông ngang trong công trình bằng hành lang trước rộng 1,6m.

Hiện trạng lớp vôi vè trong nhà và mặt tường trước nhà bị thấm, mốc, bong tróc. Lớp trát tường trong nhà và mặt trước bị bong rộp. Nền nhà kích thước 300x300mm bị bong bật, nứt gãy. Thiết bị vệ sinh, chậu rửa, bể nước và hệ thống cấp thoát nước bị hư hỏng nặng.

- *Phương án cải tạo:* Phá 30% lớp vữa trát tường trong nhà và mặt trước nhà, trát lại bằng vữa xi măng mác 75#, dày 1,5cm. Cạo bỏ 70% lớp vôi vè trong nhà và mặt trước nhà. Toàn bộ nhà quét sơn 1 lớp lót, 2 lớp phủ. Thay thế toàn bộ gạch lát nền bằng gạch Ceramic 400x400mm. Thay thế thiết bị nhà vệ sinh, chậu rửa, lắp đặt bể nước và hệ thống cấp thoát nước.

6.2. Hạng mục: Nhà ăn, nhà ở cán bộ công nhân viên

- *Hiện trạng công trình:* Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng công trình hình chữ nhật kích thước 19,2mx7,2m; chiều cao công trình là 5,8m; cos nền cao hơn cos sân hoàn thiện là 0,3m. Mái lợp ngói bị mục, dột nát, xuống cấp nghiêm trọng. Hệ thống vì kèo gỗ bị mối mọt, cong vênh; xà gỗ luồng bị gãy, cong vênh. Trần làm bằng phen đã bị hư hỏng nặng. Bể chứa nước và hệ thống cấp nước bị hư hỏng nặng.

- *Phương án cải tạo:* Thay thế toàn bộ hệ thống mái ngói cũ bằng mái tôn chống nóng, chống ồn; vì kèo, xà gỗ thép hình. Xây tôn cao tường nhà ăn, nhà bếp 40cm. Lamin mới trần nhựa hoa văn 50x50cm. Thay thế bể nước cũ bằng bồn nước inox 2,5m³ và hệ thống cấp nước.

6.3. Hạng mục: Trạm bảo vệ rừng (02 trạm)

- *Hiện trạng công trình:* Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng công trình hình chữ nhật kích thước 6,6 mx6,2m. Chiều cao công trình tính từ cos±0,00m đến cos đỉnh mái là 4,5m; cos nền cao hơn cos sân hoàn thiện là 0,6m. Sàn mái bị thấm dột cần lợp mái che.

- *Phương án cải tạo:* Xây tường thu hồi dày 110mm vữa xi măng mác 75#, trát tường dày 1,5 cm vữa xi măng mác 75#. Quét vôi vè mặt trát. Lắp đặt xà gỗ thép hình mái và lợp mái bằng tôn dày 0,4mm.

(Nội dung chi tiết theo hồ sơ thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Sở Xây dựng kèm theo Tờ trình số 4110/SXD-QLN ngày 01/8/2017)

7. Tổng dự toán xây dựng công trình (làm tròn): 493.658.000 đồng
(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	380.806.000	đồng
- Chi phí QLDA:	11.361.866	đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT:	52.870.573	đồng
- Chi phí khác:	25.111.756	đồng
- Chi phí dự phòng:	23.507.510	đồng

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

8. Nguồn vốn: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh theo Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc của một số đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa.

9. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 Quyết định này, các đơn vị sau đây có trách nhiệm:

- Ban quản lý rừng phòng hộ Như Xuân căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư xây dựng.

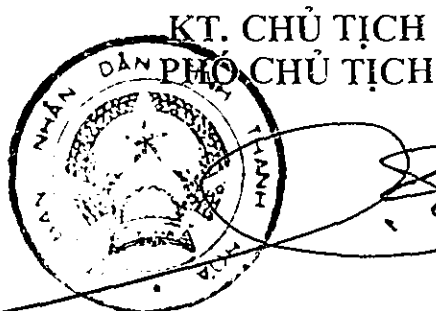
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT và đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Như Xuân thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Như Xuân; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu VT, NN.
- (MC79)



Nguyễn Đức Quyền

Phụ biểu chi tiết: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
Công trình Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc
Ban quản lý rừng phòng hộ Như Xuân

(Kèm theo Quyết định số: 2952/QĐ-UBND ngày 14 / 8 /2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	346.187.273	34.618.727	380.806.000	Gxd
1	Trụ sở làm việc	346.187.273	34.618.727	380.806.000	
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	11.361.866	-	11.361.866	Gqlđ
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	48.064.157	4.806.416	52.870.573	Gtv
1	Chi phí khảo sát địa hình	8.694.204	869.420	9.563.624	
2	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	22.502.173	2.250.217	24.752.390	
3	Chi phí thẩm tra thiết kế	2.000.000	200.000	2.200.000	
4	Chi phí thẩm tra dự toán	2.000.000	200.000	2.200.000	
5	Chi phí lập HSYC & đánh giá HSDX xây lắp	1.495.529	149.553	1.645.082	
6	Chi phí giám sát thi công XD	11.372.252	1.137.225	12.509.477	
IV	CHI PHÍ KHÁC	23.900.101	1.211.655	25.111.756	Gk
1	Hạng mục chung	12.116.555	1.211.655	13.328.210	
2	Lệ phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	93.795	-	93.795	
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	4.689.751	-	4.689.751	
4	Lệ phí thẩm định hồ sơ yêu cầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	2.000.000	-	2.000.000	
5	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (tạm tính)	5.000.000	-	5.000.000	
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	23.507.510	-	23.507.510	
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	23.507.510	-	23.507.510	
TỔNG CỘNG		453.020.907	40.636.798	493.657.705	Gxdct
LÀM TRÒN				493.658.000	
(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng)					